

HIỆP ĐỊNH VỀ QUI TẮC XUẤT XÚ

Các Thành viên,

Ghi nhận rằng, ngày 20 tháng 9 năm 1986 các Bộ trưởng đã thoả thuận rằng mục tiêu của Vòng Đàm phán Thương mại Đa biên Uruguay là nhằm "tự do hóa và mở rộng hơn nữa thương mại thế giới", "tăng cường vai trò của GATT" và "nâng cao khả năng đáp ứng của hệ thống GATT đối với việc phát triển môi trường kinh tế quốc tế";

Mong muốn tiếp tục thực hiện các mục tiêu của GATT 1994;

Thừa nhận rằng những quy tắc xuất xứ rõ ràng và dự đoán được trước và việc áp dụng chúng sẽ thúc đẩy dòng chảy thương mại quốc tế;

Mong muốn đảm bảo rằng các quy tắc xuất xứ tự chúng không tạo ra trở ngại không cần thiết với thương mại;

Mong muốn đảm bảo rằng các quy tắc xuất xứ không vô hiệu hóa hay ảnh hưởng đến các quyền của các Thành viên được quy định trong GATT 1994;

Thừa nhận mong muốn các luật, qui định và thực tiễn áp dụng quy tắc xuất xứ được minh bạch;

Mong muốn đảm bảo rằng các quy tắc xuất xứ phải được chuẩn bị và áp dụng một cách vô tư, công khai, có thể dự đoán được trước, nhất quán và trung lập;

Công nhận tính sẵn có của cơ chế tham vấn và thủ tục để giải quyết nhanh chóng, hiệu quả và công bằng các tranh chấp phát sinh trong phạm vi Hiệp định này;

Mong muốn làm hài hoà và làm rõ các quy tắc xuất xứ;

Bằng Hiệp định này, *thoả thuận* như sau:

PHẦN I

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều 1

Qui tắc xuất xứ

1. Để thực hiện mục đích của các phần từ Phần I đến Phần IV của Hiệp định này, qui tắc xuất xứ đ- ợc định nghĩa là những luật, qui định, quyết định hành chính chung do các Thành viên áp dụng để xác định n- ớc xuất xứ của hàng hóa với điều kiện là qui tắc xuất xứ này không liên quan đến thoả thuận th- ơng mại hoặc chế độ th- ơng mại tự chủ có áp dụng - u đãi thuế quan ngoài phạm vi điều chỉnh của khoản 1 Điều I của GATT 1994.

2. Qui tắc xuất xứ nêu tại khoản 1 bao gồm tất cả các qui tắc xuất xứ đ- ợc sử dụng trong các công cụ chính sách th- ơng mại không - u đãi nh- đối xử tối huệ quốc theo Điều I, II, III, XI và XIII của GATT 1994, thuế chống phá giá và thuế đối kháng theo Điều VI của GATT 1994, các biện pháp tự vệ theo Điều XIX của GATT 1994, yêu cầu ký hiệu xuất xứ theo Điều IX của GATT 1994 và tất cả các hạn chế số l- ợng hay hạn ngạch thuế quan áp dụng phân biệt đối xử. Các qui tắc xuất xứ này bao gồm cả qui tắc xuất xứ đ- ợc sử dụng trong mua sắm chính phủ và số liệu thống kê th- ơng mại¹.

PHẦN II

NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH VIỆC ÁP DỤNG QUI TẮC XUẤT XỨ

Điều 2

Các định chế trong thời gian quá độ

Cho đến khi hoàn thành ch- ơng trình hài hoà qui tắc xuất xứ qui định trong Phần IV, các Thành viên phải đảm bảo rằng:

- (a) Khi ban hành quyết định hành chính để áp dụng chung cần phải định nghĩa rõ ràng các yêu cầu. Cụ thể là:
 - (i) tr- ờng hợp các tiêu chí chuyển đổi hạng mục trên biểu thuế quan đ- ợc áp dụng, một quy tắc nh- vậy hoặc bất kỳ ngoại lệ nào khác của quy tắc đó sẽ quy định rành mạch dòng thuế hoặc nhóm các dòng thuế (t- ơng đ- ơng 4 số HS –ND) trên biểu thuế chịu sự điều chỉnh của qui tắc đó.
 - (ii) trong tr- ờng hợp áp dụng tiêu chí theo tỷ lệ phần trăm theo giá trị,

¹ Các qui định này đ- ợc hiểu là không làm tổn hại đến việc định nghĩa "ngành công nghiệp nội địa" hoặc "sản phẩm t- ơng tự của công nghiệp nội địa" hoặc các thuật ngữ t- ơng tự khác khi áp dụng.

cần phải qui định ph-ong pháp tính phần trăm này trong qui tắc xuất xứ.

- (iii) trong tr-ờng hợp tiêu chí về công đoạn chế tác hay gia công đ-ợc áp dụng, công đoạn tạo nên xuất xứ của hàng hóa liên quan cần phải đ-ợc qui định chính xác.
- (b) bất kể biện pháp hay công cụ chính sách th-ong mại nào có liên hệ với chính sách đó, các quy tắc xuất xứ của chúng không đ-ợc sử dụng để trực tiếp hay gián tiếp theo đuổi mục tiêu chính sách đó ;
- (c) qui tắc xuất xứ bản thân nó không đ-ợc tạo ra các tác động hạn chế, bóp méo hay làm rối loạn th-ong mại quốc tế. Qui tắc xuất xứ không đ-ợc đ-a ra yêu cầu chặt chẽ trái lệ th-ờng hoặc các điều kiện không liên quan đến sản xuất hoặc chế biến nh- là điều kiện tiên quyết để xác định n-ớc xuất xứ. Tuy nhiên, các yếu tố chi phí không liên quan đến sản xuất hoặc chế biến có thể tính gộp vào để áp dụng tiêu chí tỷ lệ phần trăm theo giá trị phù hợp với điểm (a);
- (d) qui tắc xuất xứ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu không đ-ợc chặt chẽ hơn qui tắc xuất xứ áp dụng để xác định xem một hàng hóa có phải là hàng nội địa hay không và không đ-ợc phân biệt đối xử giữa các Thành viên khác, bất kể đến mối liên hệ giữa công ty mẹ, công ty con hay chi nhánh²;
- (e) qui tắc xuất xứ phải đ-ợc quản lý nhất quán, thống nhất, vô t- và hợp lý;
- (f) qui tắc xuất xứ trong đó nêu những gì không tạo nên xuất xứ hàng hoá (tiêu chuẩn phủ định) cũng đ-ợc phép coi nh- một phần của phân loại tiêu chuẩn khẳng định, hoặc trong một số tr-ờng hợp cá biệt khi các xác định các tiêu chuẩn khẳng định của xuất xứ là không cần thiết ;
- (g) các luật, qui định d-ới luật, quyết định t- pháp và hành chính để áp dụng chung liên quan đến qui tắc xuất xứ sẽ đ-ợc công bố nh- là đối t-ợng chịu sự điều chỉnh và tuân thủ các qui định tại khoản 1 Điều X GATT 1994;
- (h) theo yêu cầu của nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu hoặc bất kỳ ng-ời nào có lý do chính đáng, kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa có thể đ-ợc chấp nhận sớm nhất có thể nh- ng không chậm hơn 150 ngày³, kể từ ngày có yêu cầu đánh giá với điều kiện đã nộp đầy đủ các yếu tố cần thiết. Yêu cầu đánh giá xuất xứ hàng hóa phải đ-ợc chấp nhận tr-ớc khi hoạt động th-ong mại đối với hàng hóa đó bắt đầu và có thể đ-ợc chấp nhận bất kỳ lúc nào sau đó. Kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa có giá trị trong vòng 3 năm nếu nh- các yếu tố và điều kiện liên quan đến hàng hóa kể cả qui tắc

² Đối với qui tắc xuất xứ áp dụng cho mua sắm chính phủ, qui định này không tạo thêm nghĩa vụ cho các Thành viên so với nghĩa vụ của các Thành viên trong GATT 1994.

³ Đối với những yêu cầu đ-a ra trong năm đầu tiên Hiệp định WTO có hiệu lực, các Thành viên chỉ phải cấp biên bản đánh giá xuất xứ hàng hóa trong thời gian sớm nhất có thể đ-ợc.

xuất xứ dẫn đến kết quả đó vẫn t-ong đồng. Trong quá trình rà soát qui tắc xuất xứ theo qui định tại điểm (j) nếu có một quyết định mới trái với kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa thì kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa đó sẽ không còn giá trị nh-ng các bên liên quan phải đ-ợc thông báo tr-ớc. Kết quả đánh giá phải đ-ợc công khai theo qui định tại điểm (k);

- (i) khi có thay đổi trong qui tắc xuất xứ hoặc ban hành các qui tắc xuất xứ mới, các Thành viên không đ-ợc áp dụng hồi tố những thay đổi này dù các luật, quy định d-ới luật có thể quy định và không vì thế làm tổn hại đến chúng;
- (j) bất kỳ một hành động hành chính nào liên quan đến xác định xuất xứ có thể đ-ợc Toà án, trọng tài hoặc toà án hành chính, độc lập với cơ quan đã ra quyết định và có thể sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định hành chính đó xem xét lại một cách nhanh chóng;
- (k) tất cả các thông tin bí mật, hoặc đ-ợc cung cấp trên cơ sở bí mật nhằm thực thi các quy tắc xuất xứ phải đ-ợc các cơ quan có liên quan bảo đảm tuyệt mật, không tiết lộ thông tin những thông tin đó nếu nh- không đ-ợc sự cho phép cụ thể của ng-ời hoặc chính phủ cung cấp thông tin, trừ tr-ờng hợp phải tiết lộ thông tin ở mức độ nhất định theo yêu cầu của thủ tục t- pháp.

Điều 3

Các nguyên tắc sau thời kỳ quá độ

Xét rằng mọi Thành viên đều h-ớng tới lập ra các quy tắc xuất xứ hài hoà, sau khi có kết quả của ch-ơng trình hài hòa các qui tắc này, ngay khi triển khai kết quả của ch-ơng trình đó, các Thành viên sẽ bảo đảm rằng:

- (a) họ sẽ áp dụng qui tắc xuất xứ nh- nhau cho tất cả các mục đích nêu tại Điều 1;
- (b) theo qui tắc xuất xứ của mình, một n-ớc đ-ợc xác định là n-ớc xuất xứ của một hàng hóa cụ thể nếu nh- hàng hóa đ-ợc hoàn toàn sản xuất ra ở n-ớc đó hoặc khi nhiều n-ớc cũng tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó, thì n-ớc xuất xứ hàng hóa là n-ớc thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng.
- (c) qui tắc xuất xứ áp dụng cho hàng hóa xuất và nhập khẩu không đ-ợc qui định chặt chẽ hơn qui tắc xuất xứ áp dụng để xác định xem một hàng hóa có phải là hàng nội địa không và không đ-ợc phân biệt đối xử giữa các Thành viên khác, bất kể mối quan hệ giữa công ty mẹ, công ty con hay những chi nhánh giữa nhà sản xuất có liên quan;
- (d) qui tắc xuất xứ đ-ợc quản lý nhất quán, thống nhất, vô t- và hợp lý;

- (e) tất cả các luật, qui định d-ới luật, quyết định t- pháp và hành chính đ-ợc áp dụng chung liên quan đến qui tắc xuất xứ sẽ đ-ợc công bố nh- là đối t-ợng và phải phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều X của GATT 1994;
- (f) theo yêu cầu của nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu hoặc bất kỳ ng-ời nào có lý do chính đáng, kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa có thể đ-ợc chấp nhận sớm nhất có thể nh- ng không chậm hơn 150 ngày, kể từ ngày có yêu cầu đánh giá với điều kiện đã nộp đầy đủ các yếu tố cần thiết. Yêu cầu đánh giá xuất xứ hàng hóa phải đ-ợc chấp nhận tr-ớc khi hoạt động th-ơng mại đối với hàng hóa đó bắt đầu và có thể đ-ợc chấp nhận bất kỳ lúc nào sau đó. Kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa có giá trị trong vòng 3 năm nếu nh- các yếu tố và điều kiện liên quan đến hàng hóa kể cả qui tắc xuất xứ dẫn đến kết quả đó vẫn t-ơng đồng. Trong quá trình rà soát qui tắc xuất xứ theo qui định tại điểm (h) nếu có một quyết định mới trái với kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa thì kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa đó sẽ không còn giá trị nh- ng các bên liên quan phải đ-ợc thông báo tr-ớc. Kết quả đánh giá phải đ-ợc công khai theo qui định tại điểm (i);
- (g) khi có thay đổi trong qui tắc xuất xứ hoặc ban hành các qui tắc xuất xứ mới, các Thành viên không đ-ợc áp dụng hồi tố những thay đổi này dù các luật, quy định d-ới luật có thể quy định và không vì thế làm tổn hại đến chúng;
- (h) bất kỳ một hành động hành chính nào liên quan đến xác định xuất xứ có thể đ-ợc Toà án, trọng tài hoặc toà án hành chính, độc lập với cơ quan đã ra quyết định và có thể sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định hành chính đó xem xét lại một cách nhanh chóng;
- (i) tất cả các thông tin bí mật, hoặc đ-ợc cung cấp trên cơ sở bí mật nhằm thực thi các quy tắc xuất xứ phải đ-ợc các cơ quan có liên quan bảo đảm tuyệt mật, không tiết lộ thông tin những thông tin đó nếu nh- không đ-ợc sự cho phép cụ thể của ng-ời hoặc chính phủ cung cấp thông tin, trừ tr-ờng hợp phải tiết lộ thông tin ở mức độ nhất định theo yêu cầu của thủ tục t- pháp.

PHẦN III

THỎA THUẬN VỀ THỦ TỤC THÔNG BÁO, RÀ SOÁT, THAM VẤN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 4

Các thể chế

1. Nay thành lập Uỷ ban về Qui tắc Xuất xứ (trong Hiệp định này gọi là "Uỷ ban") bao gồm đại diện từ mỗi Thành viên. Uỷ ban sẽ bầu ra một Chủ tịch và sẽ họp khi thấy

cần thiết, nh- ng tối thiểu mỗi năm họp một lần để tạo cơ hội cho các Thành viên tham vấn những vấn đề về liên quan đến cũng nh- thúc đẩy các mục tiêu trong Phần I, II, III và IV và thực hiện các trách nhiệm khác đ- ợc giao trong Hiệp định này hoặc đ- ợc Hội đồng th- ong mại Hàng hóa giao phó. Khi thích hợp, Ủy ban sẽ yêu cầu Ủy ban Kỹ thuật nêu tại khoản 2 cung cấp thông tin và khuyến nghị về những vấn đề liên quan đến Hiệp định này. Ủy ban cũng có thể yêu cầu Ủy ban Kỹ thuật hỗ trợ những công việc xét thấy thích hợp cho việc thực hiện mục tiêu nói trên của Hiệp định này. Ban Th- ký WTO sẽ đóng vai trò là ban th- ký của Ủy ban.

2. Thành lập Ủy ban Kỹ thuật về Quy tắc Xuất xứ (trong Hiệp định này gọi là "Ủy ban Kỹ thuật") trực thuộc Hội đồng Hợp tác Hải quan (CCC) nh- qui định trong Phụ lục I. Ủy ban Kỹ thuật thực hiện công việc kỹ thuật nêu tại Phần IV và đ- ợc mô tả tại Phụ lục I. Khi thích hợp, Ủy ban Kỹ thuật sẽ yêu cầu Ủy ban cung cấp thông tin và khuyến nghị về những vấn đề liên quan đến Hiệp định này. Ủy ban Kỹ thuật cũng có thể yêu cầu Ủy ban hỗ trợ những công việc xét thấy thích hợp để thực hiện mục tiêu nói trên của Hiệp định. Ban Th- ký của Hội đồng Hợp tác Hải quan sẽ đóng vai trò là Ban Th- ký của Ủy ban Kỹ thuật.

Điều 5

Thông tin, Thủ tục Sửa đổi và Ban hành Quy tắc Xuất xứ mới

1. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực với mình, mỗi Thành viên phải cung cấp cho Ban Th- ký qui tắc xuất xứ, quyết định t- pháp, quyết định hành chính có hiệu lực áp dụng chung của mình liên quan đến qui tắc xuất xứ đang có hiệu lực ở trong n- ớc vào đó. Trong tr- ờng hợp một qui tắc xuất xứ do vô tình ch- a đ- ợc nộp, các Thành viên phải nộp ngay khi phát hiện ra. Danh mục những thông tin mà Ban Th- ký nhận đ- ợc và sẵn có tại Ban Th- ký sẽ đ- ợc chuyển tới các Thành viên.

2. Trong thời gian nêu tại Điều 2, các Thành viên ban hành một sửa đổi về qui tắc xuất xứ của mình trên mức "không đáng kể" hoặc ban hành một quy tắc xuất xứ mới, nhằm mục đích thực hiện Hiệp định này, các sửa đổi hay quy tắc mới đó bao gồm bất kỳ một quy tắc nào đ- ợc đề cập tại khoản 1 hoặc ch- a đ- ợc nộp cho Ban Th- ký sẽ đăng bố cáo về việc này ít nhất tr- ớc 60 ngày, tr- ớc ngày qui tắc xuất xứ mới hoặc qui tắc mới đ- ợc sửa đổi có hiệu lực để giúp cho các bên quan tâm biết đ- ợc ý định sửa đổi quy tắc xuất xứ hoặc ban hành qui tắc xuất xứ mới trừ các tr- ờng hợp ngoại lệ. Trong tr- ờng hợp ngoại lệ, xuất hiện hoặc đe dọa xuất hiện với một Thành viên trong tr- ờng hợp ngoại lệ đó, Thành viên đó phải công bố qui tắc xuất xứ mới hoặc sửa đổi trong thời gian sớm nhất có thể đ- ợc.

Điều 6

Rà soát

1. Hàng năm Ủy ban sẽ rà soát lại việc thực hiện và hoạt động của Phần II và III của Hiệp định này theo mục tiêu đã đề ra. Hàng năm Ủy ban cũng thông báo cho Hội đồng th- ong mại Hàng hóa những tiến triển trong thời gian giữa hai kỳ rà soát.

2. Ủy ban sẽ rà soát lại qui định trong Phần I, II và III và đ- a ra sửa đổi nếu thấy cần thiết để phản ảnh kết quả ch- ơng trình hài hoà.

3. Ủy ban phối hợp với Ủy ban Kỹ thuật xây dựng cơ chế xem xét, kiến nghị sửa đổi đối với kết quả ch- ơng trình hài hoà căn cứ vào mục tiêu và nguyên tắc qui định tại Điều 9. Ví dụ xác định nguyên tắc nào cần sửa đổi để tăng c- ờng hiệu lực hoạt động, nguyên tắc nào cần phải cập nhật cho phù hợp với các quy trình sản xuất mới chịu tác động của thay đổi công nghệ.

Điều 7

Tham vấn

Các quy định của Điều XXII – GATT 1994 và những qui định giải thích điều này trong Thoả thuận về Giải quyết Tranh chấp sẽ đ- ợc áp dụng đối với Hiệp định này.

Điều 8

Giải quyết tranh chấp

Các quy định của XXIII – GATT 1994 và những qui định giải thích điều này trong Bản Diễn giải về Giải quyết Tranh chấp sẽ đ- ợc áp dụng đối với Hiệp định này.

PHẦN IV

HÀI HOÀ QUI TẮC XUẤT XỨ

Điều 9

Mục tiêu và Nguyên tắc

1. Với mục tiêu hài hoà qui tắc xuất xứ, ổn định th- ơng mại thế giới, Hội nghị Bộ tr- ờng phối hợp với Hội đồng Hợp tác Hải quan thực thi Ch- ơng trình Làm việc trên những nguyên tắc sau:

- (a) qui tắc xuất xứ đ- ợc áp dụng đồng nhất cho tất cả các mục đích nêu tại Điều 1.
- (b) qui tắc xuất xứ phải thể hiện rõ n- ớc xuất xứ của một hàng hóa là n- ớc sản xuất ra toàn bộ hàng hóa đó hoặc n- ớc thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng hàng hóa đó nếu có nhiều n- ớc tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa.
- (c) qui tắc xuất xứ cần phải khách quan, dễ hiểu và có thể dự đoán tr- ớc đ- ợc.

- (d) không đ- ọc sử dụng qui tắc xuất xứ trực tiếp hoặc gián tiếp làm công cụ thực hiện mục tiêu th- ơng mại cho dù chúng đ- ọc gắn với những biện pháp hoặc công cụ đó. Bản thân qui tắc xuất xứ không đ- ọc hạn chế, bóp méo hoặc làm rối loạn th- ơng mại quốc tế. Qui tắc xuất xứ không đ- ọc đặt ra yêu cầu quá chặt chẽ một cách không hợp lệ hoặc điều kiện không liên quan đến quá trình sản xuất, chế biến để xác định n- ớc xuất xứ. Tuy nhiên, có thể sử dụng yếu tố chi phí không liên quan trực tiếp đến sản xuất và gia công để xác định n- ớc xuất xứ trong tr- ờng hợp áp dụng tiêu chí tỷ lệ phần trăm theo giá trị;
- (e) qui tắc xuất xứ phải đ- ọc thực hiện một cách nhất quán, thống nhất, khách quan và hợp lý;
- (f) qui tắc xuất xứ phải mạch lạc, chặt chẽ;
- (g) qui tắc xuất xứ phải dựa trên tiêu chuẩn khẳng định. Tiêu chuẩn khẳng định có thể sử dụng để giải thích thêm tiêu chuẩn phủ định.

Ch- ơng trình làm việc

- 2. (a) Sau khi Hiệp định WTO có hiệu lực, Ch- ơng trình làm việc sẽ đ- ọc thực hiện trong thời gian sớm nhất có thể đ- ọc và sẽ đ- ọc hoàn thành trong vòng 3 năm.
- (b) Uỷ ban và Uỷ ban Kỹ thuật qui định tại Điều 4 là cơ quan thích hợp tổ chức ch- ơng trình này.
- (c) Để Hội đồng Hợp tác Hải quan có đ- ọc thông tin chi tiết, Uỷ ban phải yêu cầu Uỷ ban Kỹ thuật diễn giải và đ- a ra ý kiến về ph- ơng pháp xác định xuất xứ hàng hóa đ- ọc mô tả sau đây trên cơ sở các nguyên tắc liệt kê tại khoản 1. Để đảm bảo thực hiện ch- ơng trình hài hoà đúng thời hạn, phải xác định xuất xứ đối với từng ngành hàng theo ch- ơng hay tiết trong Danh mục hàng hoá của Hệ thống Hải hoà (HS).

(i) *Sản phẩm hoàn toàn tự chế và công đoạn hay gia công tối thiểu*

Uỷ ban Kỹ thuật phải xây dựng định nghĩa hài hoà của:

- hàng hóa đ- ọc coi là đ- ọc chế tác toàn bộ tại một n- ớc. Khái niệm này cần phải đ- ọc định nghĩa càng chi tiết càng tốt;
- công đoạn hay gia công tối thiểu ở mức nào sẽ không tạo nên xuất xứ hàng hóa.

Kết quả của công việc trên sẽ đ- ọc nộp cho Uỷ ban trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận đ- ọc yêu cầu của Uỷ ban.

(ii) *Chế biến đáng kể - Chuyển hạng mục thuế quan*

- Dựa trên các tiêu chí về chế biến đáng kể, Ủy ban Kỹ thuật phải xem xét và giải thích chi tiết thay đổi nhóm (4 số – ND) hay dòng (6 số – ND) thuế khi xây dựng qui tắc xuất xứ cho từng sản phẩm hoặc từng ngành hàng, và nếu đ- ợc có thể giải thích rõ hơn những thay đổi tối thiểu bên trong danh mục HS đáp ứng đ- ợc tiêu chí này.
- Ủy ban kỹ thuật chia công việc nói trên, trên cơ sở từng sản phẩm có tính đến ch- ơng, nhóm của danh mục HS, sau đó hàng quý nộp kết quả cho Ủy ban. Ủy ban Kỹ thuật sẽ hoàn thành các công việc nói trên trong vòng 1 năm 3 tháng kể từ khi nhận đ- ợc yêu cầu của Ủy ban.

(iii) *Chế biến đáng kể - Tiêu chí bổ sung*

Sau khi hoàn thành công việc nêu tại điểm (ii) đối với từng ngành hàng hoặc từng loại hàng nếu nh- chỉ sử dụng danh mục HS không đủ để thể hiện sự chế biến đáng kể, Ủy ban Kỹ thuật sẽ:

- dựa trên tiêu chí chế biến đáng kể, xem xét và giải thích chi tiết việc sử dụng hoàn toàn hoặc để bổ sung các yêu cầu khác nh- tỷ lệ phần trăm giá trị⁴ và/hoặc công đoạn chế tác hay gia công⁵ khi xây dựng qui tắc xuất xứ cho từng mặt hàng hoặc cho một ngành hàng;
- có thể đ- ra giải thích về đề nghị của mình;
- chia công việc nói trên theo sản phẩm, có câu nhắc tới ch- ơng nhóm trong danh mục HS, sau đó hàng quý báo cáo kết quả công việc cho Ủy ban. Ủy ban Kỹ thuật sẽ hoàn thành công việc này trong vòng 2 năm và 3 tháng kể từ ngày nhận đ- ợc yêu cầu của Ủy ban.

Vai trò của Ủy ban

3. Trên cơ sở nguyên tắc liệt kê trong khoản 1:

- (a) Ủy ban phải xem xét nội dung giải thích và ý kiến của Ủy ban Kỹ thuật th- ờng kỳ theo qui định tại điểm (i), (ii) và (iii) của điểm 2(c) để phê duyệt nội dung giải thích và ý kiến đó. Ủy ban có thể yêu cầu Ủy ban Kỹ thuật hoàn thiện, giải thích thêm công việc của mình hay xây dựng ph- ơng pháp tiếp cận mới. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban Kỹ

⁴ Nếu áp dụng tiêu chí xác định xuất xứ qua giá trị, qui tắc xuất xứ phải nêu rõ ph- ơng pháp tính tỷ lệ phần trăm.

⁵ Nếu áp dụng tiêu chí công đoạn chế tác hay gia công theo phần trăm để xác định xuất xứ của hàng hóa, qui tắc xuất xứ phải qui định chính xác công đoạn nào tạo nên xuất xứ hàng hóa.

thuật, Ủy ban nên thông báo cho Ủy ban Kỹ thuật biết lý do Ủy ban yêu cầu Ủy ban Kỹ thuật làm thêm và nếu có thể đề- xuất gợi ý ph- ơng pháp thay thế.

- (b) sau khi hoàn thành tất cả các công việc nêu tại điểm (i), (ii) và (iii) tại điểm 2(c), Ủy ban sẽ đánh giá tính gắn bó chung của kết quả.

Kết quả của Ch- ơng trình Hòa hảo và Công việc tiếp theo

4. Hội nghị Bộ tr- ởng đề- a kết quả ch- ơng trình hòa hảo thành một phụ lục không tách rời của Hiệp định này⁶. Hội nghị Bộ tr- ởng xác định khung thời gian phụ lục có hiệu lực.

PHỤ LỤC I

ỦY BAN KỸ THUẬT VỀ QUI TẮC XUẤT XỨ

Trách nhiệm

1. Ủy ban Kỹ thuật đang tiếp tục đảm nhận những trách nhiệm sau:
 - (a) theo yêu cầu của bất kỳ thành viên nào của Ủy ban Kỹ thuật, kiểm tra những vấn đề kỹ thuật cụ thể phát sinh trong công việc quản lý hàng ngày qui tắc xuất xứ của các Thành viên và đề- a ra gợi ý về giải pháp thích hợp dựa trên thông tin dữ liệu thực đề- xuất nêu lên;
 - (b) cung cấp thông tin và đề- a ra lời khuyên về các vấn đề liên quan đến việc xác định xuất xứ hàng hóa theo yêu cầu của bất kỳ Thành viên nào hoặc của Ủy ban;
 - (c) chuẩn bị và gửi báo cáo định kỳ về các khía cạnh kỹ thuật trong hoạt động và hiện trạng của Hiệp định này;
 - (d) hàng năm xem xét lại các khía cạnh kỹ thuật của việc triển khai và hoạt động của Phần II và III.
2. Ủy ban Kỹ thuật có trách nhiệm thực hiện các công việc khác khi Ủy ban yêu cầu.
3. Ủy ban Kỹ thuật phải cố gắng hoàn thành từng công việc của mình trong khoảng thời gian hợp lý, đặc biệt là những công việc do các Thành viên hoặc Ủy ban yêu cầu.

Đại diện

⁶ Đồng thời cần phải xem xét những thoả thuận liên quan đến giải quyết tranh chấp và phân loại hải quan

4. Mỗi Thành viên đều có quyền có đại diện tại Ủy ban Kỹ thuật. Mỗi nước có thể chỉ định một đại diện chính thức và một hoặc một số đại diện dự khuyết tại Ủy ban Kỹ thuật. Những nước có đại diện tại Ủy ban Kỹ thuật sau đây được gọi là "thành viên" của Ủy ban Kỹ thuật. Đại diện các Thành viên của Ủy ban Kỹ thuật sẽ được các thành viên gia giúp đỡ trong các cuộc họp của Ủy ban Kỹ thuật. Ban Thư ký WTO có thể tham dự các cuộc họp với tư cách quan sát viên.

5. Thành viên của Hội đồng Hợp tác Hải quan không phải là thành viên của WTO có thể có một đại diện chính thức và một hoặc một số đại diện dự khuyết tại các cuộc họp của Ủy ban Kỹ thuật với tư cách quan sát viên.

6. Với sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban Kỹ thuật, Tổng Thư ký Hội đồng Hợp tác Hải quan (trong Phụ lục này gọi là Tổng Thư ký) có thể mời đại diện của những Chính phủ không phải là thành viên của cả WTO và Hội đồng Hợp tác Hải quan và đại diện của các tổ chức chính phủ, hay thương mại quốc tế tham dự các cuộc họp của Ủy ban Kỹ thuật với tư cách quan sát viên.

7. Việc cử đại diện chính thức, đại diện dự khuyết và các cố vấn tham dự cuộc họp của Ủy ban Kỹ thuật phải thông báo của Tổng Thư ký.

Họp

8. Ủy ban Kỹ thuật sẽ họp khi cần thiết nhưng tối thiểu mỗi năm một lần.

Thủ tục

9. Ủy ban Kỹ thuật sẽ tự bầu Chủ tịch và tự xây dựng thủ tục của mình.

PHỤ LỤC II

TUYÊN BỐ CHUNG VỀ QUI TẮC XUẤT XỨ - U ĐÃI

1. Công nhận rằng một số Thành viên áp dụng qui tắc xuất xứ - u đãi, phân biệt với qui tắc xuất xứ không - u đãi, các Thành viên thoả thuận như sau:

2. Theo Tuyên bố chung này, qui tắc xuất xứ - u đãi được định nghĩa là các luật, qui định, quyết định hành chính mà Thành viên áp dụng để xác định hàng hóa có đủ tiêu chuẩn được hưởng đối xử - u đãi theo chế độ thương mại dành - u đãi lẫn nhau hay một chiều dẫn tới áp dụng - u đãi thuế v- ợt ngoài phạm vi áp dụng của khoản 1- Điều I – GATT 1994.

3. Các Thành viên thoả thuận bảo đảm rằng:

(a) khi các Thành viên ban hành quyết định hành chính được áp dụng chung, các yêu cầu cần đáp ứng sẽ được quy định rõ ràng, đặc biệt:

(i) trong trường hợp áp dụng tiêu chí chuyển hạng mục thuế quan, quy

tác xuất xứ đó hay bất kỳ ngoại lệ nào của quy tắc phải đ-ợc qui định rõ nhóm và dòng trong cơ cấu biểu thuế đ-ợc qui tắc đề cập;

- (ii) trong tr-ờng hợp áp dụng tiêu chí tỷ lệ phần trăm theo giá trị, qui tắc xuất xứ - u đ-ãi phải nêu ph-ơng pháp tính phần trăm;
 - (iii) trong tr-ờng hợp áp dụng tiêu chí công đoạn chế tác hay gia công, qui tắc xuất xứ - u đ-ãi phải xác định rõ công đoạn tạo nên xuất xứ - u đ-ãi.
- (b) qui tắc xuất xứ - u đ-ãi của các Thành viên đ-ợc dựa trên tiêu chuẩn khẳng định. Đ-ợc phép áp dụng quy tắc xuất xứ - u đ-ãi có ghi những gì không tạo nên xuất xứ - u đ-ãi (tiêu chuẩn phủ định) nh- là một phần để làm rõ một tiêu chuẩn khẳng định hoặc trong tr-ờng hợp cá biệt mà sử dụng tiêu chuẩn khẳng định là không cần thiết.
 - (c) các luật, qui định d-ới luật, quyết định t- pháp và hành chính của mình liên quan tới việc áp dụng qui tắc xuất xứ - u đ-ãi sẽ đ-ợc xuất bản nh- là đối t-ợng áp dụng và phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều X GATT 1994.
 - (d) theo yêu cầu của nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu hoặc bất kỳ ng-ời nào có lý do chính đáng, kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa đ-ợc cấp trong thời gian sớm nhất có thể nh- ng không chậm hơn 150 ngày⁷, kể từ ngày có yêu cầu đánh giá với điều kiện đã nộp đầy đủ các yếu tố cần thiết. Yêu cầu đánh giá xuất xứ hàng hóa phải đ-ợc chấp nhận tr-ớc khi hoạt động th-ơng mại đối với hàng hóa đó bắt đầu và có thể đ-ợc chấp nhận bất kỳ lúc nào sau đó. Kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa có giá trị trong vòng 3 năm nếu nh- các yếu tố và điều kiện liên quan đến hàng hóa kể cả qui tắc xuất xứ dẫn đến kết quả đó vẫn t-ơng đồng. Trong quá trình rà soát qui tắc xuất xứ theo qui định tại điểm (f) nếu có một quyết định mới trái với kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa thì kết quả đánh giá xuất xứ hàng hóa đó sẽ không còn giá trị nh- ng các bên liên quan phải đ-ợc thông báo tr-ớc. Kết quả đánh giá phải đ-ợc công khai theo qui định tại điểm (g);
 - (e) khi thay đổi qui tắc xuất xứ - u đ-ãi hoặc ban hành các qui tắc xuất xứ - u đ-ãi mới, các Thành viên không đ-ợc áp dụng hồi tố những thay đổi này dù luật và quy định d-ới luật có thể có quy định và không vì thế làm tổn hại đến chúng;
 - (f) mọi quyết định hành chính về xác định xuất xứ - u đ-ãi mà Thành viên đ- a ra có thể đ-ợc xem xét lại nhanh chóng bởi toà án, trọng tài hoặc toà án hành chính, độc lập với cơ quan đã ra quyết định và có thẩm quyền sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định hành chính đó.

⁷ Đối với những yêu cầu đ- a ra trong năm đầu tiên Hiệp định WTO có hiệu lực, các Thành viên chỉ phải cấp kết quả đánh giá xuất xứ trong thời gian sớm nhất có thể đ-ợc.

- (g) các cơ quan chức năng phải giữ bí mật tuyệt đối những thông tin bí mật và những thông tin đ- ợc cung cấp trên cơ sở bí mật nhằm mục đích thực hiện quy tắc xuất xứ - u đ- ỏi. Các cơ quan chức năng không đ- ợc tiết lộ thông tin nếu không đ- ợc sự cho phép cụ thể của ng- ời hoặc chính phủ cung cấp thông tin trừ tr- ờng hợp phải tiết lộ thông tin ở mức độ nhất định theo yêu cầu của thủ tục t- pháp.

4. Các Thành viên *thoả thuận sẽ* kịp thời nộp cho Ban Th- ký qui tắc xuất xứ - u đ- ỏi của mình, trong đó có danh mục các thoả thuận - u đ- ỏi đ- ợc áp dụng qui tắc xuất xứ - u đ- ỏi, quyết định t- pháp, quyết định hành chính có hiệu lực áp dụng chung liên quan tới qui tắc xuất xứ - u đ- ỏi đang có hiệu lực vào ngày Hiệp định WTO bắt đầu có hiệu lực. Ngoài ra, các Thành viên thoả thuận sẽ cung cấp cho Ban Th- ký những sửa đổi trong qui tắc xuất xứ - u đ- ỏi hoặc quy tắc xuất xứ - u đ- ỏi mới ban hành của mình trong thời gian ngắn nhất có thể đ- ợc. Ban Th- ký sẽ chuyển cho các Thành viên danh mục thông tin đã nhận đ- ợc và sẵn có tại Ban Th- ký.